

Bản án số: 78/2022/DS-PT

Ngày: 22-9-2022

V/v *Đòi lại tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quang.

Các Thẩm phán: Bà Vũ Ngọc Hà và ông Ngô Chậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Ông Phan Văn Công - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2022/DS-PT ngày 29 tháng 7 năm 2022 về việc “*Đòi lại tài sản*”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2022/DS-ST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2022/QĐ-PT ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thúy P, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Lô 32, khu 51 L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Danh T, sinh năm 1958. Địa chỉ: 73 T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn X, sinh năm 1955.

Địa chỉ: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1972; Địa chỉ: tổ 22, V, phường V1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Ông Trần Thanh T, sinh năm 1974; Địa chỉ: 112 K, V3, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Bà T, ông T đều ủy quyền cho Ông Trần Danh T, sinh năm 1958. Địa chỉ: 73 T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Bùi Văn X.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Năm 2005 bà Lê Thị C (mẹ của bà Trần Thị Thúy P, ông Trần Thanh T và bà Trần Thị T) cho vợ chồng ông Bùi Văn X vay 20 chỉ vàng y 24k 9999, có viết giấy mượn vàng, thời hạn cho mượn 05 năm. Đến nay bà C đã chết, vợ ông X (tên Nguyễn Thị N) cũng đã chết nên nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu cá nhân ông Bùi Văn X trả lại 20 chỉ vàng 24 k9999, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Văn X trình bày: Ông X thừa nhận có vay của bà C (mẹ của bà P và bà T, ông Tuấn) 20 chỉ vàng 24k9999 để sử dụng làm nhà ở của vợ chồng, số vàng này được quy đổi từ số tiền 16.000.000đ nhận của bà C. Ông X xác định vợ ông đã chết nên nghĩa vụ trả nợ là của cá nhân ông X; tuy nhiên, trước đây (ông X không rõ thời gian) ông đã trả đủ khoản nợ này bằng tiền 16.000.000đ và trả đầy đủ lãi suất cho bà C. Do đó, ông X không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2022/DS-ST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Áp dụng Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thúy P và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T, ông Trần Thanh T. Bị đơn ông Bùi Văn X phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thúy P và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T, ông Trần Thanh T 20 chỉ vàng 24k 9999.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/4/2022, bị đơn ông Bùi Văn X có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn không thừa nhận có vay vàng mà vay 16 triệu đồng tiền mặt (tương đương 02 lượng vàng) và đã trả cả gốc, lãi cho bà C lúc bà C còn sống.
- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX và những người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: Bị đơn thừa nhận có vay và ký tên trên vay vàng y do nguyên đơn cung cấp, cho rằng đã trả hết nợ gốc và lãi. Nguyên đơn không thừa nhận cho mượn tiền và trả nợ như bị đơn trình bày. Bị đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh việc trả hết nợ. Cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng năm 2015 bác đơn kháng cáo của bị đơn ông X – giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông X kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn X – Cho rằng chỉ mượn 16 triệu đồng tiền mặt, đã trả gốc lãi cho bà C: Tại Biên bản hòa giải ngày 25/02/2022, bị đơn ông X thừa nhận còn nợ bà C mẹ bà P 20 chỉ vàng nhưng do điều kiện khó khăn xin trả nhiều lần. Bị đơn kháng cáo cho rằng đã trả hết nợ vào năm 2010 nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã trả hết nợ. Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể thỏa mãn với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[2] Về án phí: Bị đơn ông Bùi Văn X phải chịu 5.340.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng ông X sinh năm 1955 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí được UBND xã An Ninh Đông xác nhận, thuộc đối tượng được miễn án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Văn Xiệp - giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 2 Điều 155; Điều 166, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thúy P và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T, ông Trần Thanh T. Buộc bị đơn ông Bùi Văn X phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thúy P và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T, ông Trần Thanh T 20 (Hai mươi) chỉ vàng 24K 9999.

Về án phí: Ông Bùi Văn X được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn lại cho ông X 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003886 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Hoàn lại cho bà Trần Thị Thúy P 2.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003706 ngày 11/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên(2);
- TAND H T (2);
- CC THADS H T;
- P.NVKT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quang

